| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HƯƠNG KHÊ**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 30/10/2023<br>V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phạm Ngạch.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà*:** Không.

Ngày 30/10/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/7/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L; sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm X, xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn P; sinh năm: 1989; địa chỉ: Xóm X, xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Đình L - Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH M; địa chỉ: Số Y, đường N, phường N, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2023, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn P đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến

năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã, anh P uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng, để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 2 con chung, con thứ nhất tên là Hoàng Nguyên V, sinh ngày 19/02/2015 và con thứ hai tên là Hoàng Nguyên K, sinh ngày 06/02/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Sau khi thụ lý vụ án, vào ngày 27/7/2023 chị L có đơn bổ sung yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Tuy nhiên, chị và anh P đã tự thỏa thuận xong phần tài sản nên ngày 20/9/2023 chị có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

*Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:* Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao: Căn cước công dân, giấy khai sinh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 857338 cấp ngày 23/8/2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 556689 cấp ngày 19/5/2017, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 046984 cấp ngày 23/8/2018, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 342484 cấp ngày 13/01/2021, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 006264 cấp ngày 13/01/2020, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 654552 cấp ngày 28/8/2019, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 362696 cấp ngày 13/01/2023, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 958331 cấp ngày 02/6/2023 (Đều do UBND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho anh Hoàng Văn P và chị Trần Thị L), Hợp đồng tín dụng số 3707LAV202300468, ngày 06/02/2023; bản pho to: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 38005904 do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/5/2021, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030488 do phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 06/5/2019, thư xác nhận hợp đồng đề ngày 23/9/2017, hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa anh Hoàng Văn Phi với Công ty Luật TNHH Mai Sen, đề ngày 17/7/2023; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản tự khai; đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề ngày 20/9/2023; đơn xin không hòa giải thêm, đề ngày 29/9/2023.

*Tại bản tự khai đề ngày 21/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn P trình bày:*

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, thời gian, địa điểm kết hôn như chị L trình bày. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nghi ngờ, cãi vã nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh đã từng đồng ý thuận tình ly hôn với chị L nhưng do anh là người Công giáo, trong Lễ Hôn phối hai vợ chồng đã thề ước trước Thiên chúa, Cha quản xứ và cộng đoàn dân chúa

là không được phép ly hôn trong bất kỳ lí do nào; đồng thời, anh cũng nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa trầm trọng, chưa đến mức phải ly hôn nên anh đã thay đổi ý kiến không đồng ý thuận tình ly hôn, mong chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung đúng như nguyên đơn trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L đã tự thỏa thuận xong, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Bản tự khai, đề ngày 21/9/2023; đơn thay đổi ý kiến hòa giải, đề ngày 26/9/2023.

*Ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng Nguyên V, sinh ngày 19/02/2015:* Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung cùng với bố.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn anh P trình bày:* Vợ chồng đều là người theo đạo Thiên chúa, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu ly hôn của chị L; trường hợp nếu ly hôn thì đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nhưng sau đó bị đơn có văn bản thay đổi ý kiến và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đề nghị được ly hôn, do đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn P có địa chỉ cư trú tại xóm X, xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", ngày 27/7/2023 nguyên đơn có đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn nên Tòa án đã thụ lý bổ sung yêu cầu "*Chia tài sản khi ly hôn*". Ngày 20/9/2023 nguyên đơn có đơn rút phần yêu cầu *"Chia tài sản khi ly hôn"*, bị đơn thống nhất và trong vụ án không có yêu cầu độc lập. Xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, do đó Tòa án đình chỉ đối với

yêu cầu *"Chia tài sản khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh P và chị L trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Hải, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 37/2014, quyển số 01/2012 ngày 30/6/2014, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, từ năm 2016 chị L và anh P có nảy sinh mâu thuẫn, lý do là vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra cãi vã, bạo lực gia đình...; tại phiên tòa bị đơn anh P thừa nhận từ năm 2019 đến nay vợ chồng thường nghi ngờ nhau, xẩy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh P cũng đã đến Công an xã làm việc, viết tường trình về sự việc xâu ẩu, mâu thuẫn của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý đoàn tụ, nhất quyết xin ly hôn. Hiện nay vợ chồng đã tự phân chia tài sản chung, buôn bán, làm ăn riêng ở 2 địa điểm khác nhau, sống ly thân, không còn quan tâm, tin tưởng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hội nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Hoàng Nguyên V, sinh ngày 19/02/2015, hiện đang học lớp 3A2 trường Tiểu học P và Hoàng Nguyên K, sinh ngày 06/02/2017, hiện đang học lớp 1 trường Tiểu học P. Chị L và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của cháu Hoàng Nguyên V trên 07 tuổi có nguyện vọng ở cùng với bố, nếu bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn anh P và chị L đã sống ly thân nhau và hiện nay anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyên V, còn chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyên K. Chị L và anh P đều đang trong độ tuổi lao động, có tài sản, có khả năng lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và các con, nên nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự đều chính đáng. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, đặc biệt là sự ổn định phát triển của các con chưa thành niên, xét thấy cần giao con chung cho mỗi bên đương sự được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con như hiện nay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, ý kiến của các đương sự, cũng như người bảo về quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị giao cho một bên đương sự được nuôi cả hai con chung là không có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Các bên có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở và có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị L đã rút yêu cầu nên Tòa án đình chỉ và không ai có ý kiến, yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không được Tòa án chấp nhận như đã nhận định tại các mục [2.1], [2.2].

[4] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hoàng Nguyên V, sinh ngày 19/02/2015, cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hoàng Nguyên K, sinh ngày 06/02/2017, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn chị Trần Thị L.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007926 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

Trả lại cho chị Trần Thị L 59.047.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007941 ngày 14/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Hòa Hải;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thanh Tùng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Trịnh Xuân Minh** **Phạm Ngạch** **Nguyễn Thanh Tùng**